

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2025

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngự.

Ông Thạch Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Thạch Thị T](#), sinh ngày 21/11/1985; địa chỉ [ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ \(ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ\)](#) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094185020640.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông [Lý Bình Đ](#), sinh năm 1977; địa chỉ [số C N, phường P, thành phố Cần Thơ \(số C N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cũ\)](#) (có đơn xin xét xử vắng mặt, có gửi bài phát biểu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn).

- *Bị đơn:* Anh [Trần Chí C](#), sinh ngày 02/10/1983; địa chỉ [ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ \(ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ\)](#) (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094083018617.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị [Thạch Thị T](#) trình bày:

Chị [Thạch Thị T](#) và anh [Trần Chí C](#) tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 16 tháng 4 năm 2013. Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2018, chị T và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó anh C nói đi làm, thỉnh thoảng về thăm con. Chị T và anh C sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, chị T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành.

Chị T và anh C chung sống với nhau có 01 người con chung tên [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010. Hiện nay, cháu T1 đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị [Thạch Thị T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị [Thạch Thị T](#) yêu cầu được ly hôn với anh [Trần Chí C](#).

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010 đến tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 263/TB-TLVA ngày 24 tháng 12 năm 2024 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh [Trần Chí C](#), nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Chị [Thạch Thị T](#) và anh [Trần Chí C](#) chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Chị T và anh C chung sống với nhau thường xuyên mâu thuẫn, căng thẳng nhất là từ cuối năm 2018. Chị T và anh C có 01 người con chung tên [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010. Hiện nay, cháu T1 đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T và anh C không thể hàn gắn được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị **T** và anh **C** có 01 người con chung tên **Trần Mỹ T1**, sinh ngày 22/9/2010. Hiện nay, cháu **T1** đang chung sống với chị **T**, đang do chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu **T1** có nguyện vọng được sống chung với chị **T**. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu **T1** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh **C** mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị **T** có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị **Thạch Thị T** khởi kiện thì anh **Trần Chí C**; cư trú tại **ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ)**. Chị **T** có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **Trần Chí C** và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị **T** đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị **T** nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị **T** đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí

đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị [Thạch Thị T](#) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị [Thạch Thị T](#), bị đơn anh [Trần Chí C](#) và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông [Lý Bình Đ](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị [T](#) và ông [Lý Bình Đ](#) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh [C](#) vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, đ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị [Thạch Thị T](#), anh [Trần Chí C](#) và ông [Lý Bình Đ](#).

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Thạch Thị T](#), sinh năm 1985 và anh [Trần Chí C](#), sinh năm 1983 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 16 tháng 4 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị [Thạch Thị T](#) và anh [Trần Chí C](#) là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị [Thạch Thị T](#), Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị [T](#) và anh [C](#) hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị [T](#) và anh [C](#) không còn sống chung với nhau thời gian dài và đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị [T](#) và anh [C](#) trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị [T](#).

[5] Về con chung: Chị [T](#) và anh [C](#) có 01 người con chung tên [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010. Chị [T](#) yêu cầu Tòa án giao cháu [T1](#) cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu của chị [T](#), Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu [T1](#) đang sống chung với chị [T](#) và trong quá trình giải quyết vụ án, cháu [T1](#) có nguyện vọng được sống chung với chị [T](#). Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010 cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh [Trần Chí C](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh [C](#) không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị [T](#).

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị [Thạch Thị T](#) là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị [T](#) phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Thạch Thị T](#) và anh [Trần Chí C](#) ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên [Trần Mỹ T1](#), sinh ngày 22/9/2010 cho chị [Thạch Thị T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh [Trần Chí C](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh [C](#) không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị [T](#).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị [Thạch Thị T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005870 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ). Như vậy, chị [Thạch Thị T](#) đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GD, KT, TT & THA);
- UBND xã P, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đã ký****Đặng Phước Tuấn**